NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100233488
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.11.21 17:07:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

375093.25

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 375093.25

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội

1. Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB)
   Mã chứng khoán: VIB
   Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
   Điện thoại: (028) 62999039 Fax: (028) 62999040
   Email: congbothongtin@vib.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố

   Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) bổ sung thông tin trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét.

   Thông tin bổ sung: Số liệu kết quả hoạt động riêng và hợp nhất cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cùng kỳ năm trước (chi tiết theo văn bản đính kèm).

   Các thông tin mà VIB đã công bố vào ngày 29 tháng 10 năm 2025 tại báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 không thay đổi.

   Thông tin trên được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB tại đường dẫn:
   https://www.vib.com.vn/vn/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin
   VIB cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TUQ. Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền công bố thông tin

M.S.D.N: 0100233488 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Minh Huệ

Tài liệu đính kèm:
- Công văn số 348202.25 của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam ngày 3/11/2025;
- Công văn phúc đáp của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ngày 21/11/2025.

348202.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

Số: 348202.25

No: 348202.25

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 11 năm 2025

Ho Chi Minh City, 3 November 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

To: Ernst & Young Vietnam Limited

V/v: Bố sung thông tin trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét.

Request for confirmation of supplementary information in the reviewed interim separate and consolidated financial statements for the nine-month period ended 30 September 2025.

Liên quan đến việc trình bày bổ sung thông tin tại báo cáo kết quả hoạt động riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) đề nghị Quý công ty xác nhận một số thông tin tại Phụ lục đính kèm công văn này.

In relation to the supplementary presentation of information in the interim separate and consolidated income statements for the nine-month period ended 30 September 2025, Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIB) respectfully requests your confirmation of certain details as outlined in the appendix attached to this official letter.

VIB rất mong nhận được phúc đáp và sự hợp tác chặt chẽ từ Quý công ty trong thời gian sớm nhất.

We would be grateful for your timely response and continued collaboration.

Công văn này được lập bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh. Trong trường hợp có khác nhau giữa bản Tiếng Việt và Tiếng Anh thì bản Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dung.

This official letter is made in Vietnamese and English. In case of any difference between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail.

Trân trọng,

Respectfully,

Tổng Giám đốc

Chief Executive Officer

M.S.D.N: 0100233458 C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hàn Ngọc Vũ

Nơi nhận:
- Như trên;
- FS;
- Lưu VT.

Recipients:
- As addressed above;
- FS;
- Archived: ESD.

348202.25

PHỤ LỤC

NỘI DUNG BỔ SUNG THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG VÀ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH CHÍN THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2025

(Đính kèm Công văn số 348202.25 ngày 3/11/2025)

1. Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
		2025 Triệu VND	2024 Triệu VND (Phân loại lại)	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND (Phân loại lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		9.286.454	8.145.109	26.381.007	24.172.735
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(5.124.455)	(3.990.621)	(14.528.198)	(11.351.611)
Thu nhập lãi thuần	**27**	**4.161.999**	**4.154.488**	**11.852.809**	**12.821.124**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		998.481	715.610	2.628.878	2.234.301
Chi phí hoạt động dịch vụ		(554.609)	(457.090)	(1.499.957)	(1.261.519)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**28**	**443.872**	**258.520**	**1.128.921**	**972.782**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**29**	**(98.592)**	**136.506**	**123.908**	**451.949**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**30**	**5.914**	**65.932**	**156.395**	**102.864**
Thu nhập từ hoạt động khác		529.828	318.150	1.557.471	874.352
Chi phí hoạt động khác		(99.190)	(58.174)	(272.023)	(90.342)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**31**	**430.638**	**259.976**	**1.285.448**	**784.010**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		**2.645**	**3.346**	**59.449**	**3.746**
Tổng thu nhập hoạt động		**4.946.476**	**4.878.768**	**14.606.930**	**15.136.475**
Chi phí hoạt động	**32**	**(1.778.447)**	**(1.746.650)**	**(5.351.425)**	**(5.342.373)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**3.168.029**	**3.132.118**	**9.255.505**	**9.794.102**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**33**	**(1.157.888)**	**(1.155.569)**	**(2.214.857)**	**(3.230.942)**
Tổng lợi nhuận trước thuế		**2.010.141**	**1.976.549**	**7.040.648**	**6.563.160**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(401.499)	(394.641)	(1.396.240)	(1.311.883)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**34**	**(401.499)**	**(394.641)**	**(1.396.240)**	**(1.311.883)**
Lợi nhuận sau thuế		**1.608.642**	**1.581.908**	**5.644.408**	**5.251.277**

348202.25

2. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
		2025 Triệu VND	2024 Triệu VND (Phân loại lại)	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND (Phân loại lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		9.286.721	8.144.422	26.381.307	24.174.716
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(5.113.995)	(3.985.082)	(14.502.778)	(11.340.669)
Thu nhập lãi thuần	27	**4.172.726**	**4.159.340**	**11.878.529**	**12.834.047**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.048.528	767.153	2.773.886	2.374.702
Chi phí hoạt động dịch vụ		(554.998)	(457.574)	(1.501.588)	(1.262.993)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	**493.530**	**309.579**	**1.272.298**	**1.111.709**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	**(98.592)**	**136.506**	**123.908**	**451.949**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	**5.914**	**65.932**	**156.395**	**102.864**
Thu nhập từ hoạt động khác		550.364	321.521	1.637.959	890.552
Chi phí hoạt động khác		(119.555)	(60.244)	(346.829)	(101.187)
Lãi thuần từ hoạt động khác	31	**430.809**	**261.277**	**1.291.130**	**789.365**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		**2.645**	**3.346**	**2.745**	**3.746**
Tổng thu nhập hoạt động		**5.007.032**	**4.935.980**	**14.725.005**	**15.293.680**
Chi phí hoạt động	32	**(1.819.160)**	**(1.782.264)**	**(5.463.810)**	**(5.459.546)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**3.187.872**	**3.153.716**	**9.261.195**	**9.834.134**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	**(1.157.888)**	**(1.155.569)**	**(2.214.857)**	**(3.230.942)**
Tổng lợi nhuận trước thuế		**2.029.984**	**1.998.147**	**7.046.338**	**6.603.192**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(405.471)	(398.974)	(1.408.892)	(1.319.914)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	34	**(405.471)**	**(398.974)**	**(1.408.892)**	**(1.319.914)**
Lợi nhuận sau thuế		**1.624.513**	**1.599.173**	**5.637.446**	**5.283.278**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (Điều chỉnh lại)	35	**477**	**470**	**1.656**	**1.508**

3. Lý do bổ sung

Bổ sung thông tin số liệu kết quả hoạt động riêng và hợp nhất cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cùng kỳ năm trước.

348202.25

APPENDIX

SUPPLEMENTARY INFORMATION PRESENTED IN THE INTERIM SEPARATE AND CONSOLIDATED INCOME STATEMENTS FOR THE NINE-MONTH PERIOD ENDED 30 SEPTEMBER 2025

(Attached to Official Letter No 348202.25 dated 3 November 2025)

1. Interim separate income statements for the nine-month period ended 30 September 2025

	Notes	Quarter III		Accumulated	
		2025 VND million	2024 VND million (Reclassified)	For the period ended 30/9/2025 VND million	For the period ended 30/9/2024 VND million (Reclassified)
Interest and similar income		9,286,454	8,145,109	26,381,007	24,172,735
Interest and similar expenses		(5,124,455)	(3,990,621)	(14,528,198)	(11,351,611)
Net interest and similar income	**27**	**4,161,999**	**4,154,488**	**11,852,809**	**12,821,124**
Fees and commission income		998,481	715,610	2,628,878	2,234,301
Fees and commission expenses		(554,609)	(457,090)	(1,499,957)	(1,261,519)
Net fees and commission income	**28**	**443,872**	**258,520**	**1,128,921**	**972,782**
Net gain from trading of foreign currencies	**29**	**(98,592)**	**136,506**	**123,908**	**451,949**
Net gain from investment securities	**30**	**5,914**	**65,932**	**156,395**	**102,864**
Other income		529,828	318,150	1,557,471	874,352
Other expenses		(99,190)	(58,174)	(272,023)	(90,342)
Net gain from other operating activities	**31**	**430,638**	**259,976**	**1,285,448**	**784,010**
Income from capital contribution, share purchase		**2,645**	**3,346**	**59,449**	**3,746**
Total operating income		**4,946,476**	**4,878,768**	**14,606,930**	**15,136,475**
Operating expenses	**32**	**(1,778,447)**	**(1,746,650)**	**(5,351,425)**	**(5,342,373)**
Net operating profit before provision expenses for credit losses		**3,168,029**	**3,132,118**	**9,255,505**	**9,794,102**
Provision expenses for credit losses	**33**	**(1,157,888)**	**(1,155,569)**	**(2,214,857)**	**(3,230,942)**
Profit before tax		**2,010,141**	**1,976,549**	**7,040,648**	**6,563,160**
Current corporate income tax expense	34	(401,499)	(394,641)	(1,396,240)	(1,311,883)
Corporate income tax expense	**34**	**(401,499)**	**(394,641)**	**(1,396,240)**	**(1,311,883)**
Profit after tax		**1,608,642**	**1,581,908**	**5,644,408**	**5,251,277**

348202.25

2. Interim consolidated income statements for the nine-month period ended 30 September 2025

	Notes	Quarter III		Accumulated	
		2025 VND million	2024 VND million (Reclassified)	For the period ended 30/9/2025 VND million	For the period ended 30/9/2024 VND million (Reclassified)
Interest and similar income		9,286,721	8,144,422	26,381,307	24,174,716
Interest and similar expenses		(5,113,995)	(3,985,082)	(14,502,778)	(11,340,669)
Net interest and similar income	**27**	**4,172,726**	**4,159,340**	**11,878,529**	**12,834,047**
Fees and commission income		1,048,528	767,153	2,773,886	2,374,702
Fees and commission expenses		(554,998)	(457,574)	(1,501,588)	(1,262,993)
Net fees and commission income	**28**	**493,530**	**309,579**	**1,272,298**	**1,111,709**
Net gain from trading of foreign currencies	**29**	**(98,592)**	**136,506**	**123,908**	**451,949**
Net gain from investment securities	**30**	**5,914**	**65,932**	**156,395**	**102,864**
Other income		550,364	321,521	1,637,959	890,552
Other expenses		(119,555)	(60,244)	(346,829)	(101,187)
Net gain from other operating activities	**31**	**430,809**	**261,277**	**1,291,130**	**789,365**
Income from capital contribution, share purchase		**2,645**	**3,346**	**2,745**	**3,746**
Total operating income		**5,007,032**	**4,935,980**	**14,725,005**	**15,293,680**
Operating expenses	**32**	**(1,819,160)**	**(1,782,264)**	**(5,463,810)**	**(5,459,546)**
Net operating profit before provision expenses for credit losses		**3,187,872**	**3,153,716**	**9,261,195**	**9,834,134**
Provision expenses for credit losses	**33**	**(1,157,888)**	**(1,155,569)**	**(2,214,857)**	**(3,230,942)**
Profit before tax		**2,029,984**	**1,998,147**	**7,046,338**	**6,603,192**
Current corporate income tax expense	34	(405,471)	(398,974)	(1,408,892)	(1,319,914)
Corporate income tax expense	**34**	**(405,471)**	**(398,974)**	**(1,408,892)**	**(1,319,914)**
Profit after tax		**1,624,513**	**1,599,173**	**5,637,446**	**5,283,278**
Basic earnings per share (VND/share) (Restated)	**35**	**477**	**470**	**1,656**	**1,508**

3. Reason for inclusion

To supplement the figures presented the separate and consolidated results of operation for the three-month period ended 30 September 2025 and the corresponding figures for the prior period.

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Việt Nam

Ngày 21 tháng 11 năm 2025

V/v: Bổ sung thông tin trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét

Chúng tôi đã nhận được Công văn số 348202.25 ngày 3 tháng 11 năm 2025 ("Công văn số 348202.25") của Ngân hàng TMCP Quốc tế - Việt Nam ("Ngân hàng") về việc bổ sung thông tin trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét. Chúng tôi xin trả lời như sau:

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và quý III năm 2025 của Ngân hàng theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét. Chúng tôi đã phát hành kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng và quý III năm 2025 này tại các báo cáo soát xét đề ngày 28 tháng 10 năm 2025 và ngày 21 tháng 11 năm 2025.

Chúng tôi xác nhận rằng các thông tin trình bày tại Phụ lục đính kèm Công văn số 348202.25 nói trên là phù hợp với các thông tin và tài liệu mà Ngân hàng đã cung cấp cho chúng tôi trong quá trình thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý III năm 2025 của Ngân hàng.

Chúng tôi được Ngân hàng bổ nhiệm để soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và quý III năm 2025 của Ngân hàng và đưa ra kết luận tổng thể về các báo cáo tài chính này. Chúng tôi không được bổ nhiệm và không thực hiện một cuộc kiểm toán hoặc soát xét riêng đối với các nội dung giải trình nêu trên theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hoặc Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay kết luận của kiểm toán viên riêng cho các nội dung giải trình này.

Chúng tôi không thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán hay soát xét nào sau thời điểm chúng tôi phát hành báo cáo soát xét đối với báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và báo cáo quý III năm 2025 của Ngân hàng. Việc xác nhận này cũng không thay thế hay bổ sung thêm vào kết luận của kiểm toán viên trong các báo cáo soát xét đã phát hành đối với các báo cáo tài chính nói trên.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc

348202.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

Số: 348202.25

No: 348202.25

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 11 năm 2025

Ho Chi Minh City, 3 November 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

To: Ernst & Young Vietnam Limited

V/v: Bố sung thông tin trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét.

Request for confirmation of supplementary information in the reviewed interim separate and consolidated financial statements for the nine-month period ended 30 September 2025.

Liên quan đến việc trình bày bổ sung thông tin tại báo cáo kết quả hoạt động riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) đề nghị Quý công ty xác nhận một số thông tin tại Phụ lục đính kèm công văn này.

In relation to the supplementary presentation of information in the interim separate and consolidated income statements for the nine-month period ended 30 September 2025, Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIB) respectfully requests your confirmation of certain details as outlined in the appendix attached to this official letter.

VIB rất mong nhận được phúc đáp và sự hợp tác chặt chẽ từ Quý công ty trong thời gian sớm nhất.

We would be grateful for your timely response and continued collaboration.

Công văn này được lập bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh. Trong trường hợp có khác nhau giữa bản Tiếng Việt và Tiếng Anh thì bản Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dung.

This official letter is made in Vietnamese and English. In case of any difference between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail.

Trân trọng,

Respectfully,

Tổng Giám đốc

Chief Executive Officer

M.S.D.N: 0100233488 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hà Ngọc Vũ

Nơi nhận:
- Như trên;
- FS;
- Lưu VT.

Recipients:
- As addressed above;
- FS;
- Archived: ESD.

348202.25

PHỤ LỤC

NỘI DUNG BỔ SUNG THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG VÀ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH CHÍN THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2025

(Đính kèm Công văn số 348202.25 ngày 3/11/2025)

1. Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
		2025 Triệu VND	2024 Triệu VND (Phân loại lại)	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND (Phân loại lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		9.286.454	8.145.109	26.381.007	24.172.735
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(5.124.455)	(3.990.621)	(14.528.198)	(11.351.611)
Thu nhập lãi thuần	27	**4.161.999**	**4.154.488**	**11.852.809**	**12.821.124**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		998.481	715.610	2.628.878	2.234.301
Chi phí hoạt động dịch vụ		(554.609)	(457.090)	(1.499.957)	(1.261.519)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	**443.872**	**258.520**	**1.128.921**	**972.782**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	**(98.592)**	**136.506**	**123.908**	**451.949**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	**5.914**	**65.932**	**156.395**	**102.864**
Thu nhập từ hoạt động khác		529.828	318.150	1.557.471	874.352
Chi phí hoạt động khác		(99.190)	(58.174)	(272.023)	(90.342)
Lãi thuần từ hoạt động khác	31	**430.638**	**259.976**	**1.285.448**	**784.010**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		**2.645**	**3.346**	**59.449**	**3.746**
Tổng thu nhập hoạt động		**4.946.476**	**4.878.768**	**14.606.930**	**15.136.475**
Chi phí hoạt động	32	**(1.778.447)**	**(1.746.650)**	**(5.351.425)**	**(5.342.373)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**3.168.029**	**3.132.118**	**9.255.505**	**9.794.102**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	**(1.157.888)**	**(1.155.569)**	**(2.214.857)**	**(3.230.942)**
Tổng lợi nhuận trước thuế		**2.010.141**	**1.976.549**	**7.040.648**	**6.563.160**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(401.499)	(394.641)	(1.396.240)	(1.311.883)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	34	**(401.499)**	**(394.641)**	**(1.396.240)**	**(1.311.883)**
Lợi nhuận sau thuế		**1.608.642**	**1.581.908**	**5.644.408**	**5.251.277**

348202.25

2. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
		2025 Triệu VND	2024 Triệu VND (Phân loại lại)	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND (Phân loại lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		9.286.721	8.144.422	26.381.307	24.174.716
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(5.113.995)	(3.985.082)	(14.502.778)	(11.340.669)
Thu nhập lãi thuần	27	**4.172.726**	**4.159.340**	**11.878.529**	**12.834.047**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.048.528	767.153	2.773.886	2.374.702
Chi phí hoạt động dịch vụ		(554.998)	(457.574)	(1.501.588)	(1.262.993)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	**493.530**	**309.579**	**1.272.298**	**1.111.709**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	**(98.592)**	**136.506**	**123.908**	**451.949**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	**5.914**	**65.932**	**156.395**	**102.864**
Thu nhập từ hoạt động khác		550.364	321.521	1.637.959	890.552
Chi phí hoạt động khác		(119.555)	(60.244)	(346.829)	(101.187)
Lãi thuần từ hoạt động khác	31	**430.809**	**261.277**	**1.291.130**	**789.365**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		**2.645**	**3.346**	**2.745**	**3.746**
Tổng thu nhập hoạt động		**5.007.032**	**4.935.980**	**14.725.005**	**15.293.680**
Chi phí hoạt động	32	**(1.819.160)**	**(1.782.264)**	**(5.463.810)**	**(5.459.546)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**3.187.872**	**3.153.716**	**9.261.195**	**9.834.134**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	**(1.157.888)**	**(1.155.569)**	**(2.214.857)**	**(3.230.942)**
Tổng lợi nhuận trước thuế		**2.029.984**	**1.998.147**	**7.046.338**	**6.603.192**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(405.471)	(398.974)	(1.408.892)	(1.319.914)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	34	**(405.471)**	**(398.974)**	**(1.408.892)**	**(1.319.914)**
Lợi nhuận sau thuế		**1.624.513**	**1.599.173**	**5.637.446**	**5.283.278**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (Điều chỉnh lại)	35	**477**	**470**	**1.656**	**1.508**

3. Lý do bổ sung

Bổ sung thông tin số liệu kết quả hoạt động riêng và hợp nhất cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cùng kỳ năm trước.

348202.25

APPENDIX

SUPPLEMENTARY INFORMATION PRESENTED IN THE INTERIM SEPARATE AND CONSOLIDATED INCOME STATEMENTS FOR THE NINE-MONTH PERIOD ENDED 30 SEPTEMBER 2025

(Attached to Official Letter No 348202.25 dated 3 November 2025)

1. Interim separate income statements for the nine-month period ended 30 September 2025

	Notes	Quarter III		Accumulated	
		2025 VND million	2024 VND million (Reclassified)	For the period ended 30/9/2025 VND million	For the period ended 30/9/2024 VND million (Reclassified)
Interest and similar income		9,286,454	8,145,109	26,381,007	24,172,735
Interest and similar expenses		(5,124,455)	(3,990,621)	(14,528,198)	(11,351,611)
Net interest and similar income	27	**4,161,999**	**4,154,488**	**11,852,809**	**12,821,124**
Fees and commission income		998,481	715,610	2,628,878	2,234,301
Fees and commission expenses		(554,609)	(457,090)	(1,499,957)	(1,261,519)
Net fees and commission income	28	**443,872**	**258,520**	**1,128,921**	**972,782**
Net gain from trading of foreign currencies	29	**(98,592)**	**136,506**	**123,908**	**451,949**
Net gain from investment securities	30	**5,914**	**65,932**	**156,395**	**102,864**
Other income		529,828	318,150	1,557,471	874,352
Other expenses		(99,190)	(58,174)	(272,023)	(90,342)
Net gain from other operating activities	31	**430,638**	**259,976**	**1,285,448**	**784,010**
Income from capital contribution, share purchase		**2,645**	**3,346**	**59,449**	**3,746**
Total operating income		**4,946,476**	**4,878,768**	**14,606,930**	**15,136,475**
Operating expenses	32	**(1,778,447)**	**(1,746,650)**	**(5,351,425)**	**(5,342,373)**
Net operating profit before provision expenses for credit losses		**3,168,029**	**3,132,118**	**9,255,505**	**9,794,102**
Provision expenses for credit losses	33	**(1,157,888)**	**(1,155,569)**	**(2,214,857)**	**(3,230,942)**
Profit before tax		**2,010,141**	**1,976,549**	**7,040,648**	**6,563,160**
Current corporate income tax expense	34	(401,499)	(394,641)	(1,396,240)	(1,311,883)
Corporate income tax expense	34	**(401,499)**	**(394,641)**	**(1,396,240)**	**(1,311,883)**
Profit after tax		**1,608,642**	**1,581,908**	**5,644,408**	**5,251,277**

348202.25

APPENDIX

SUPPLEMENTARY INFORMATION PRESENTED IN THE INTERIM SEPARATE AND CONSOLIDATED INCOME STATEMENTS FOR THE NINE-MONTH PERIOD ENDED 30 SEPTEMBER 2025

(Attached to Official Letter No 348202.25 dated 3 November 2025)

2. Interim consolidated income statements for the nine-month period ended 30 September 2025

	Notes	Quarter III		Accumulated	
		2025 VND million	2024 VND million (Reclassified)	2025 Triệu VND	2025 VND million
Interest and similar income		9,286,721	8,144,422	26,381,307	24,174,716
Interest and similar expenses		(5,113,995)	(3,985,082)	(14,502,778)	(11,340,669)
Net interest and similar income	27	**4,172,726**	**4,159,340**	**11,878,529**	**12,834,047**
Fees and commission income		1,048,528	767,153	2,773,886	2,374,702
Fees and commission expenses		(554,998)	(457,574)	(1,501,588)	(1,262,993)
Net fees and commission income	28	**493,530**	**309,579**	**1,272,298**	**1,111,709**
Net gain from trading of foreign currencies	29	**(98,592)**	**136,506**	**123,908**	**451,949**
Net gain from investment securities	30	**5,914**	**65,932**	**156,395**	**102,864**
Other income		550,364	321,521	1,637,959	890,552
Other expenses		(119,555)	(60,244)	(346,829)	(101,187)
Net gain from other operating activities	31	**430,809**	**261,277**	**1,291,130**	**789,365**
Income from capital contribution, share purchase		**2,645**	**3,346**	**2,745**	**3,746**
Total operating income		**5,007,032**	**4,935,980**	**14,725,005**	**15,293,680**
Operating expenses	32	**(1,819,160)**	**(1,782,264)**	**(5,463,810)**	**(5,459,546)**
Net operating profit before provision expenses for credit losses		**3,187,872**	**3,153,716**	**9,261,195**	**9,834,134**
Provision expenses for credit losses	33	**(1,157,888)**	**(1,155,569)**	**(2,214,857)**	**(3,230,942)**
Profit before tax		**2,029,984**	**1,998,147**	**7,046,338**	**6,603,192**
Current corporate income tax expense	34	(405,471)	(398,974)	(1,408,892)	(1,319,914)
Corporate income tax expense	34	**(405,471)**	**(398,974)**	**(1,408,892)**	**(1,319,914)**
Profit after tax		**1,624,513**	**1,599,173**	**5,637,446**	**5,283,278**
Basic earnings per share (VND/share) (Restated)	35	**477**	**470**	**1,656**	**1,508**

3. Reason for inclusion

To supplement the figures presented the separate and consolidated results of operation for the three-month period ended 30 September 2025 and the corresponding figures for the prior period.